

Số: 2304 /KH-UBND

Bắc Giang, ngày 04 tháng 10 năm 2012

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 (Giai đoạn 2012-2015)

KHOA HỌC VÀ CN
TỈNH BẮC GIANG

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 1911.....

Ngày 04 tháng 10 năm 2012

UBND tỉnh Bắc Giang xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 giai đoạn 2012-2015 như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu và cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển KH&CN tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 giai đoạn 2012-2015.

2. Yêu cầu

Các cấp, các ngành được giao nhiệm vụ chủ trì hoặc phối hợp phải đảm bảo thực hiện đúng tiến độ và chất lượng các nội dung công việc cụ thể của Kế hoạch này.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động KH&CN đảm bảo phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh. Các giải pháp phát triển KH&CN phải được triển khai quyết liệt, đồng bộ với sự nỗ lực của tất cả các cấp, các ngành. Có sự phân công trách nhiệm rõ ràng và có sự kiểm tra, báo cáo, giám sát thực hiện chặt chẽ.

Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các huyện, thành phố về phát triển KH&CN là động lực của phát triển kinh tế- xã hội. Kết hợp việc phát triển KH&CN với các nhiệm vụ trọng tâm khác mà ngành, địa phương đang thực hiện nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

II. MỤC TIÊU

Đẩy mạnh phát triển KH&CN nhằm hoàn thành các mục tiêu của Chiến lược phát triển KH&CN tỉnh Bắc Giang; góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa- hiện đại hóa của tỉnh theo hướng bền vững nhằm đạt được mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2015.

Phát triển đồng bộ khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật và công nghệ, nâng cao trình độ phát triển KH&CN của tỉnh lên mức trung bình của cả nước.

Tập trung phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa và xây dựng nông thôn mới. Nghiên cứu, đẩy mạnh chuyển giao các tiến bộ KH&CN, nhất là áp dụng công nghệ về giống, công nghệ bảo quản, chế biến nông, lâm sản sau thu hoạch, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ tiên tiến trong việc khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; ngăn ngừa và đổi mới các công nghệ gây ô nhiễm môi trường.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về KH&CN

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực: quản lý khoa học, quản lý công nghệ, Tiêu chuẩn- Đo lường- Chất lượng, An toàn bức xạ hạt nhân, Sở hữu trí tuệ,...Đẩy mạnh hoạt động thanh tra KH&CN nhằm ngăn ngừa, phát hiện, xử lý những hành vi vi phạm về KH&CN.

Tiến hành đánh giá trình độ công nghệ của tỉnh đến thời điểm năm 2012. Từng bước phát triển thị trường KH&CN của tỉnh.

2. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác KH&CN

Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thu hút và sử dụng nhân lực KH&CN đặc biệt là nguồn nhân lực KH&CN có trình độ cao theo Chiến lược Phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020 ban hành theo Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Đào tạo chuyên sâu nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về KH&CN ở các ngành, các cấp. Phân đầu đạt tỷ lệ về cơ cấu hợp lý của nguồn nhân lực KH&CN.

Xây dựng và phát triển các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực KH&CN.

3. Đầu tư tăng cường tiềm lực KH&CN của tỉnh

Đổi mới công tác xây dựng kế hoạch, tăng nguồn vốn đầu tư cho KH&CN từ nhiều nguồn, đảm bảo mức tăng dần đến năm 2015 đạt 1,2% chi ngân sách của tỉnh. Thực hiện xã hội hóa trong hoạt động KH&CN.

Tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thông tin KH&CN đảm bảo đáp ứng yêu cầu nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao các thành tựu KH&CN phục vụ phát triển kinh tế- xã hội.

Hoàn thành việc xây dựng và đi vào hoạt động của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN.

Ưu tiên dành nguồn kinh phí đầu tư của Trung ương, của tỉnh để thực hiện các dự án tăng cường tiềm lực KH&CN theo Quyết định số 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng lực

của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Cụ thể: Dự án “Đầu tư trang thiết bị kiểm định, kiểm nghiệm, phục vụ công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang” theo Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 13/7/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang và dự án “Đầu tư tăng cường tiềm lực cho Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN tỉnh Bắc Giang” theo Quyết định số 902/QĐ-UBND ngày 13/7/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang.

4. Nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới hoạt động KH&CN, phát triển các tổ chức hoạt động KH&CN, thành lập doanh nghiệp KH&CN

Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức KH&CN, các trung tâm nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KH&CN, các tổ chức cung ứng, dịch vụ khoa học kỹ thuật.

Phát huy vai trò của các Hội đồng KH&CN của tỉnh, Hội đồng KH&CN các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố. Nâng cao hiệu quả, mở rộng mạng lưới hoạt động KH&CN cấp cơ sở.

Phát triển mạng lưới các tổ chức tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao công nghệ đa dạng, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Chuyển đổi các tổ chức KH&CN công lập sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Khuyến khích hoạt động KH&CN trong các doanh nghiệp, thành lập doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp công nghệ cao.

5. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN

5.1. Các hướng công nghệ ưu tiên

Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo, nhân giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, thích nghi điều kiện biến đổi khí hậu; bảo quản, chế biến nông, lâm sản, sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và xử lý ô nhiễm môi trường. Lưu giữ và khai thác hợp lý nguồn gen quý hiếm, bảo vệ đa dạng sinh học.

Tiếp nhận và phát triển công nghệ sản xuất các loại vật liệu mới từ các nguyên liệu sẵn có của tỉnh, sản xuất vật liệu phi gỗ tự nhiên, hỗn hợp với gỗ tự nhiên.

Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp nhằm giải quyết các thủ tục hành chính. Xây dựng hoàn thiện hệ thống thông tin về KH&CN của tỉnh, cung cấp thông tin KH&CN tới cơ sở và giao dịch điện tử. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý nguồn lực doanh nghiệp và quảng cáo sản phẩm.

Từng bước ứng dụng công nghệ tự động hóa trong sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm; tăng sức cạnh tranh của hàng hóa. Hình thành hệ thống công nghiệp phụ trợ nhằm nâng cao tỷ lệ nội địa hóa của sản phẩm.

5.2. Tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, các trường đại học, các viện nghiên cứu để triển khai các nhiệm vụ KH&CN có hiệu quả

Đề xuất với Bộ KH&CN thực hiện các nhiệm vụ KH&CN ưu tiên, các chương trình, đề án KH&CN Quốc gia, cụ thể:

Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 10/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 2204/QĐ-TTg ngày 06/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020 theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020 theo Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 theo Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 theo Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Đề án hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Đề án TBT giai đoạn 2011-2015) theo Quyết định số 682/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Đề án hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ theo Quyết định số 735/QĐ-TTg ngày 22/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Xây dựng các chương trình phối hợp nhằm tăng cường mối liên kết giữa tỉnh Bắc Giang với một số trường đại học trọng điểm trong khu vực: Đại học Thái Nguyên, Đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Đại học Kinh tế Quốc dân,...Khuyến khích các tổ chức KH&CN trong tỉnh liên kết hoạt động với các cơ quan nghiên cứu ở Trung ương, các tổ chức trong và ngoài nước.

5.3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của các nhiệm vụ KH&CN

Đổi mới phương thức xây dựng nhiệm vụ KH&CN các cấp, bao gồm đề xuất, lựa chọn xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, tổ chức thực hiện, khoán kinh phí các nhiệm vụ KH&CN bảo đảm tính thực tiễn, khoa học và liên ngành.

Đổi mới cơ chế tài chính thực hiện nhiệm vụ KH&CN phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN. Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư cho KH&CN.

Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu- chuyển giao của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, các mô hình, đề tài cấp cơ sở của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố. Tổng kết, đánh giá hiệu quả các mô hình để nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

5.4. Thực hiện các nhiệm vụ KH&CN các lĩnh vực

5.4.1. Lĩnh vực Công nghiệp- TTCN, Tài nguyên và Môi trường

Nghiên cứu chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu trí tuệ để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường các sản phẩm đã có thương hiệu và xây dựng các thương hiệu mới có thể mạnh của tỉnh.

Hỗ trợ các tổ chức áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa theo Quyết định số 290/2011/QĐ-UBND ngày 10/8/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định mức hỗ trợ các tổ chức áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn.

Phát triển nghề và làng nghề thủ công nghiệp nhằm phát huy tối đa lợi thế về nguồn nguyên liệu và nhân công tại địa phương và góp phần phát triển kinh tế- xã hội (nghề mây tre đan, nấu rượu, làm mỳ gạo,...) đi đôi với bảo vệ môi trường.

Chuyển giao các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, khai thác có hiệu quả công suất của các nhà máy. Phát triển ngành công nghiệp phụ trợ gắn với các khu, cụm công nghiệp, tạo tiền đề cho phát triển công nghiệp công nghệ cao.

Xây dựng Bộ Tiêu chí và tổ chức điều tra đánh giá trình độ công nghệ một số ngành kinh tế chủ lực của tỉnh. Thực hiện đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp, đảm bảo tốc độ đổi mới công nghệ 20%/năm.

Nghiên cứu công nghệ bảo quản, chế biến nông sản sau thu hoạch, từng bước nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các sản phẩm chế biến phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

Tăng tỷ trọng sản phẩm gạch không nung thay thế gạch đất sét nung. Ứng dụng công nghệ xử lý khí thải trong sản xuất gạch, ngói nung đảm bảo quy chuẩn môi trường.

Ứng dụng KH&CN trong nghiên cứu đánh giá chất lượng, trữ lượng, quản lý có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát môi trường, an toàn bức xạ hạt nhân. Ứng dụng các công nghệ mới khắc phục ô nhiễm, xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, làng nghề đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường. Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng. Triển khai các dự án, kịch bản về ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ đa dạng sinh học.

5.4.2. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Ứng dụng KH&CN trong xây dựng nông thôn mới, xây dựng cánh đồng mẫu lớn, phát triển vùng sản xuất nông sản tập trung, đưa cơ giới hóa vào khâu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Xây dựng Trại thực nghiệm KH&CN để chủ động sản xuất, cung ứng nguồn giống cây trồng, vật nuôi, các sản phẩm KH&CN có chất lượng cao, tiến tới đạt 90% giống tiến bộ áp dụng vào sản xuất.

Ứng dụng KH&CN sản xuất nông nghiệp hàng hóa; chuyển dịch cơ cấu theo hướng giảm tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài tỉnh. Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa áp dụng quy trình Thực hành nông nghiệp tốt (GAP), tiến tới xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh.

Tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất: sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu, giống cây nuôi cấy mô tế bào thực vật, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc thảo mộc, phân bón vi sinh, chế phẩm sinh học bảo quản nông sản thực phẩm sau thu hoạch,...

Phát triển 5 nhóm cây có thể mạnh (cây ăn quả, cây lương thực, cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây lấy gỗ). Chú trọng phát triển nhóm cây ăn quả có thể mạnh: vải sớm Phúc Hòa (Tân Yên), vải thiều (Lục Ngạn), na dai (Lục Nam), bưởi Diễn (Hiệp Hòa),... đáp ứng yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm. Cơ cấu lại các giống lúa, ngô,... nhằm tăng năng suất, chất lượng, đảm bảo an ninh lương thực. Chuyển đổi những diện tích canh tác không hiệu quả để nâng cao giá trị sử dụng đất. Hình thành các vùng sản xuất rau an toàn, hoa chất lượng cao, rau chế biến. Xây dựng các mô hình trồng cây lâm nghiệp kết hợp với bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng và xen canh các cây lâm sản ngoài gỗ.

Phát triển 3 nhóm con có thể mạnh (lợn, gà, cá). Nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp phòng trừ dịch bệnh; nâng cao chất lượng con giống: lợn hướng nạc, gà đồi, cá đặc sản (cá Tầm, cá Lăng chấm, cá rô đầu vuông,...).

5.4.3. Lĩnh vực Khoa học xã hội và nhân văn

Phát triển khoa học xã hội và nhân văn cần gắn chặt với quá trình xây dựng các cơ chế, chính sách để KH&CN thực sự phát huy vai trò then chốt, cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn cho các cấp ủy, chính quyền trong quá trình ban hành, triển khai thực hiện các chính sách phát triển kinh tế- xã hội.

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn trong cải cách thủ tục hành chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục lý luận chính trị, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Tiếp tục nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy và học trong giáo dục và đào tạo phù hợp với xu thế phát triển trong tình hình mới. Khuyến khích, hỗ trợ các ý tưởng sáng tạo trong công tác dạy và học ở các cấp học đi đôi giữa lý

thuyết và thực hành nhằm bồi dưỡng, rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học cho giáo viên, học sinh, sinh viên.

Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, phong tục tập quán truyền thống của dân tộc. Nghiên cứu tư tưởng thiền phái Trúc Lâm Tam tổ và ứng dụng KH&CN bảo tồn kho mộc bản tại chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bồ Đề. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu bảo tồn văn hóa vật thể và phi vật thể thông qua việc nghiên cứu trùng tu các di tích, tác phẩm nghệ thuật, văn bia; khôi phục, phát huy các lễ hội, dân ca các dân tộc. Phát triển du lịch tâm linh gắn với giáo dục truyền thống lịch sử của dân tộc và du lịch sinh thái gắn với bảo vệ môi trường.

5.4.4. Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân theo hướng kết hợp những thành tựu trong y học hiện đại và y học cổ truyền. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hồ sơ, bệnh án điện tử và công tác chuẩn đoán, khám chữa bệnh ở các tuyến y tế. Nghiên cứu chiết xuất một số cây dược liệu có thế mạnh của tỉnh để tiến tới sản xuất thực phẩm chức năng, thuốc chữa bệnh cho nhân dân (địa liền, địa hoàng, cỏ ngọt, kim tiền thảo...).

KH&CN góp phần đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng, ổn định quy mô dân số của tỉnh, tiến tới cân bằng giới tính khi sinh, phục vụ các mục tiêu y tế của quốc gia, của tỉnh.

IV. CÁC GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về cơ chế chính sách

Đổi mới phương thức xây dựng nhiệm vụ KH&CN các cấp, bao gồm đề xuất, lựa chọn, xác định nhiệm vụ KH&CN đảm bảo tính thực tiễn, khoa học và liên ngành. Tăng tỷ lệ nhiệm vụ KH&CN có khả năng thương mại hóa.

Đổi mới phương thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp theo hướng đảm bảo công khai, minh bạch và cạnh tranh trong tuyển chọn các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Đổi mới cơ chế tài chính thực hiện nhiệm vụ KH&CN phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN. Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư cho KH&CN ở các ngành, địa phương.

Vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn trong việc hoạch định các chính sách có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn.

Thực hiện nghiên cứu ứng dụng KH&CN theo đặt hàng của nhà nước, các ngành, địa phương, các doanh nghiệp và các tổ chức. Áp dụng các hình thức khoán sản phẩm phù hợp với đặc thù của KH&CN. Xây dựng đề án chuyển các tổ chức KH&CN công lập sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Nghiên cứu xây dựng các chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp; cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đào tạo, thu hút và sử dụng nhân lực KH&CN, nhân lực KH&CN trình độ cao; chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, doanh nghiệp KH&CN, sáng kiến cải tiến kỹ thuật; chính sách hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp phụ trợ.

Hỗ trợ thông tin KH&CN cho các doanh nghiệp, duy trì và phát triển mạng lưới Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) giúp các doanh nghiệp thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa.

Khuyến khích và hỗ trợ mối liên kết giữa cơ sở sản xuất với doanh nghiệp tiêu thụ. Hình thành các tổ chức hợp tác dịch vụ KH&CN để hỗ trợ sản xuất.

2. Giải pháp về tổ chức

Củng cố bộ máy tổ chức làm công tác KH&CN. Bố trí đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn phù hợp làm công tác quản lý KH&CN các cấp. Bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác KH&CN cấp huyện.

Củng cố hệ thống Hội đồng KH&CN, Hội đồng sáng kiến tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và tiến tới thành lập tại các doanh nghiệp.

Tăng cường mối liên kết, phối hợp, trao đổi các thành tựu trong KH&CN với các cơ quan ở trung ương và các địa phương; tranh thủ sự chỉ đạo về chuyên môn của Bộ KH&CN.

3. Giải pháp về đào tạo con người

Xác định các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức KH&CN cho cán bộ lãnh đạo quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật và người dân. Quan tâm đến khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa để giảm dần khoảng cách giữa các vùng miền.

Cử cán bộ làm công tác KH&CN tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Xây dựng một số chương trình, đề án liên kết đào tạo với các viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước. Tạo điều kiện cho các chuyên gia có trình độ tham gia nghiên cứu, chuyển giao KH&CN trên địa bàn tỉnh.

4. Giải pháp về đầu tư

Tập trung nguồn lực để xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án, đề tài, dự án KH&CN để huy động sức mạnh tổng hợp thực hiện những mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội, mục tiêu KH&CN nêu trong Chiến lược.

Mở rộng hợp tác quốc tế và liên kết với các tỉnh, thành phố trong khu vực. Thực hiện xã hội hóa các nguồn đầu tư cho hoạt động KH&CN. Sử dụng có hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển để tăng cường tiềm lực KH&CN của tỉnh.

5. Giải pháp về tài chính

Hình thành Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh và khuyến khích thành lập tại các tổ chức, doanh nghiệp.

Khắc phục tình trạng phân tán, nhỏ lẻ trong đầu tư kinh phí nghiên cứu, ứng dụng KH&CN. Ưu tiên ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống.

Thực hiện cơ chế khoán đối với các đề tài, dự án theo quy định của nhà nước để tăng quyền tự chủ cho các tổ chức, cá nhân chủ trì và đơn giản hóa thủ tục hành chính.

6. Giải pháp về tuyên truyền

Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của KH&CN, đặc biệt là trong các doanh nghiệp nhằm nâng cao tinh thần tự lực tự cường, sự đồng thuận và ủng hộ mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị đối với hoạt động KH&CN. Tạo không khí thi đua lao động sáng tạo, nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; nâng cao tinh thần trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động KH&CN.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công nhiệm vụ

1.1. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì tham mưu xây dựng chính sách phát triển KH&CN theo Kế hoạch này và theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 giai đoạn 2012- 2015, định kỳ báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng, thực hiện các dự án tăng cường tiềm lực KH&CN, các dự án KH&CN cấp nhà nước, cấp tỉnh trình UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

Đề xuất cơ cấu phân bổ ngân sách nhà nước dành cho KH&CN để làm căn cứ xây dựng kế hoạch ngân sách hàng năm.

1.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ phân bổ kế hoạch, huy động các nguồn lực trong nước và nước ngoài cho phát triển KH&CN. Đưa kế hoạch phát triển KH&CN vào kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh.

1.3. Sở Tài chính

Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí cân đối nguồn vốn ngân sách để đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch. Tham gia kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn kinh phí nhà nước đầu tư cho hoạt động KH&CN.

1.4. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

Căn cứ Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 giai đoạn 2012- 2015, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện của đơn vị mình nhằm thực hiện có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch đã đề ra.

Xây dựng, đặt hàng nhiệm vụ phát triển KH&CN và chỉ đạo thực hiện Kế hoạch ứng dụng KH&CN trong ngành và địa phương mình; theo chức năng, nhiệm vụ chủ động, tích cực tham gia thực hiện, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch.

2. Nguồn lực thực hiện

Nhu cầu vốn thực hiện Kế hoạch: 41 tỷ đồng. Trong đó:

Chương trình đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp là 15 tỷ đồng. Nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương; từ các viện, trường hợp tác với doanh nghiệp; từ nguồn hợp tác quốc tế và kinh phí từ các doanh nghiệp.

Chương trình KH&CN phục vụ công nghiệp hóa- hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là 12 tỷ đồng. Nguồn kinh phí từ ngân sách trung ương; ngân sách địa phương; từ nguồn hợp tác quốc tế; nguồn do nhân dân đóng góp và từ các doanh nghiệp.

Chương trình khoa học xã hội và nhân văn, khoa học quản lý là 4 tỷ đồng. Nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương và nguồn hợp tác quốc tế.

Chương trình khoa học và công nghệ phát triển công nghệ thông tin và truyền thông là 10 tỷ đồng. Nguồn kinh phí từ ngân sách trung ương; từ ngân sách địa phương; nguồn hợp tác quốc tế và từ các doanh nghiệp.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 giai đoạn 2012- 2015, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị, cá nhân có liên quan phối hợp tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận: 

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ và các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT, Trưởng các phòng, đơn vị;
 - + Lưu: VT, KT3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Hạnh

Phụ lục 1:

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KH&CN CẤP NHÀ NƯỚC
ĐỀ XUẤT VỚI BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi
giai đoạn 2011-2015)**

TT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì
1	Ứng dụng công nghệ tiên tiến xây dựng mô hình sản xuất hoa chất lượng cao tại Bắc Giang	UBND thành phố Bắc Giang
2	Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ để sản xuất giống và nuôi cá Tầm Xiberi thương phẩm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Trung tâm Giống thủy sản cấp 1 Bắc Giang
3	Ứng dụng tiên bộ kỹ thuật để sản xuất thương phẩm cá rô phi Novit 4 đơn tính đực ở tỉnh Bắc Giang	UBND huyện Việt Yên
4	Ứng dụng công nghệ tiên tiến trồng rừng thâm canh Bạch Đàn và Keo tai tượng tại Bắc Giang	Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Yên Thế
5	Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ để xây dựng mô hình sản xuất lạc giống tại Bắc Giang	UBND huyện Tân Yên
6	Ứng dụng công nghệ sinh học xử lý các phụ phẩm nông nghiệp và các nguồn hữu cơ khác tại địa phương thành phân bón hữu cơ vi sinh vật chức năng	Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh
7	Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn nòng hộ an toàn dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Chi cục Thú y tỉnh Bắc Giang

Phụ lục 2:

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KH&CN CẤP NHÀ NƯỚC
ĐỀ XUẤT VỚI BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TUYỂN CHỌN
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN
(Thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp
giai đoạn 2011-2015)**

TT	Tên dự án	Cấp quản lý
1	Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học để quản lý và nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm vải thiều được bảo hộ chỉ dẫn địa lý Lục Ngạn của tỉnh Bắc Giang	Dự án Trung ương quản lý
2	Áp dụng sáng chế theo Văn bằng bảo hộ số 9256 cấp ngày 27/4/2011 để xử lý khí thải lò công nghiệp trong sản xuất gạch nung tại Bắc Giang.	Dự án Trung ương quản lý
3	Xây dựng, vận hành, nhân rộng mô hình quản lý nhãn hiệu tập thể "Yên Dũng" cho sản phẩm gạo thơm của huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Dự án Trung ương ủy quyền địa phương quản lý

Phụ lục 3:

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KH&CN CẤP NHÀ NƯỚC
ĐỀ XUẤT VỚI BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Thuộc Chương trình cấp thiết phát sinh tại địa phương)**

TT	Tên dự án	Đơn vị phối hợp
1	Nghiên cứu xây dựng bản đồ nông hóa, thổ nhưỡng phục vụ thâm canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất nông nghiệp tỉnh Bắc Giang	- UBND các huyện, thành phố - Sở Tài nguyên và Môi trường - Sở Khoa học và Công nghệ - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Nghiên cứu giải pháp ứng dụng khoa học và công nghệ bảo tồn kho mộc bản tại chùa Vĩnh Nghiêm (xã Trí Yên, huyện Yên Dũng), chùa Bồ Đà (xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên)	- UBND huyện Yên Dũng, Việt Yên. - Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch. - Sở Khoa học và Công nghệ.
3	Nghiên cứu giải pháp ứng dụng khoa học và công nghệ bảo tồn một số di tích lịch sử được công nhận là Di tích cấp quốc gia	- UBND huyện Việt Yên, Tân Yên, Yên Thế. - Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch. - Sở Khoa học và Công nghệ.

Phụ lục 4:

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG TIỀM LỰC KH&CN
ĐỀ XUẤT VỚI BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

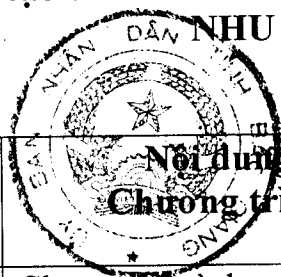
TT	Tên dự án	Đơn vị phối hợp
	Giai đoạn 2012-2015	
1	Dự án đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn- Đo lường- Chất lượng.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính - Sở Khoa học và Công nghệ
2	Dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn- Đo lường- Chất lượng.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính - Sở Khoa học và Công nghệ - Sở Tài nguyên và Môi trường - Sở Xây dựng
3	Dự án đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm Ứng dụng tiên bộ Khoa học và Công nghệ.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính - Sở Khoa học và Công nghệ
4	Dự án đầu tư nhà xưởng, thiết bị sản xuất nầm cao cấp	- Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính - Sở Khoa học và Công nghệ - Sở Nông nghiệp và PTNT
5	Dự án xây dựng Trại thực nghiệm KH&CN	- Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính - Sở Khoa học và Công nghệ - Sở Tài nguyên và Môi trường - Sở Xây dựng

Phụ lục 5:

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KH&CN CẤP NHÀ NƯỚC
ĐỀ XUẤT VỚI BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Thuộc Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng Nông thôn mới,
giai đoạn 2011-2015)**

TT	Tên đề tài, dự án
1	Đề tài: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất và phát triển vùng rau an toàn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
2	Đề tài: Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
3	Đề tài: Ứng dụng công nghệ sinh học nuôi thâm canh cá Trắm đen (<i>Mylopharyngodon Piceus</i>) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
4	Đề tài: Xây dựng mô hình sinh thái VACR (vườn- ao- chuồng, ruộng) sử dụng chế phẩm sinh học hướng tới nền nông nghiệp bền vững và hiệu quả tại Bắc Giang
5	Đề tài: Nghiên cứu đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông ở thôn, bản phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
6	Đề tài: Xây dựng mô hình tổ hợp tác Dịch vụ cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp trồng trọt.
7	Dự án: Áp dụng các giải pháp khoa học và công nghệ nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường và an toàn dịch bệnh trong chăn nuôi gia súc, gia cầm tại 15 xã nông thôn mới trên địa bàn các huyện Yên Thế, Tân Yên và Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
8	Dự án: Xây dựng mô hình trồng một số cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng
9	Dự án: Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn theo hướng VietGAP quy mô trang trại (vừa và nhỏ) an toàn dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
10	Dự án: Chuyển đổi đất sản xuất trồng trọt kém hiệu quả kinh tế sang phát triển chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản
11	Dự án: Phát triển chăn nuôi gia trại, trang trại sản xuất hàng hóa tập trung gắn với bảo vệ môi trường nông thôn
12	Dự án: Mô hình bảo quản, chế biến nông sản và tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa
13	Dự án: Mô hình ứng dụng công nghệ tưới tiêu vải thiều kết hợp với các biện pháp canh tác nông nghiệp giảm phát thải khí mê tan và hiệu ứng nhà kính

Phụ lục 6:



YÊU CẦU VỐN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
(Giai đoạn 2012-2015)

TT	Nội dung Chương trình	Dự kiến kinh phí (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí
1	Chương trình đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp	15	- Ngân sách địa phương - Nguồn từ các viện, trường hợp tác với doanh nghiệp - Nguồn hợp tác quốc tế - Kinh phí từ các doanh nghiệp
2	Chương trình KH&CN phục vụ công nghiệp hóa-hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn	12	- Ngân sách trung ương - Ngân sách địa phương - Kinh phí từ các doanh nghiệp - Nguồn hợp tác quốc tế - Nguồn do nhân dân đóng góp
3	Chương trình khoa học xã hội và nhân văn, khoa học quản lý	04	- Ngân sách địa phương - Nguồn hợp tác quốc tế
4	Chương trình khoa học và công nghệ phát triển công nghệ thông tin và truyền thông	10	- Ngân sách trung ương - Ngân sách địa phương - Kinh phí từ các doanh nghiệp - Nguồn hợp tác quốc tế